



bā diǎn

八点

noun (time) · eight o'clock

Example Sentences

wǒ men míng tiān zǎo shàng bā diǎn zài xué xiào mén kǒu jiàn miàn

我们明天早上八点在学校的门口见面。

We will meet at the school gate at eight o'clock tomorrow morning.

Diàn yǐng wǎn shàng bā diǎn kāi shǐ bù yào chí dào

电影晚上八点开始，不要迟到。

The movie starts at eight in the evening, don't be late.

Trace each character, then write the word on your own.

八	八	八	八	八															
点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点								
点																			